

Bản án số: 35/2018/HS-ST
Ngày 24-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hân

Thẩm phán: Ông Cao Quốc Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Ngọc Minh

Ông Nguyễn Văn Quyền

Ông Đoàn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Quàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Minh Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2018/HSST ngày 21 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/HSST-QĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B, sinh năm 1968, tại huyện G, tỉnh Kiên Giang;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện tại: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 10/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị B; chồng tên: Lưu Văn T; con: 03 – người lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền sự: Không; tiền án: 01 – Ngày 01-8-2013, bị Tòa án nhân dân huyện

Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Tổ chức đánh bạc”, chưa được xóa án tích; Bị bắt tạm giam ngày 25-9-2017 cho đến nay.

Bị cáo có mặt

- Bị hại:

1. Hồ Thanh T, sinh năm 1957 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Phạm Thị Ú, sinh năm 1938 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Lý Thị Cẩm L, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

4. Phan Ngọc D, sinh năm 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

5. Nguyễn Thị Hoa T, sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

6. Võ Văn H, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

7. Mã Phan Trần L, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

8. Mã Giang H, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

9. Lê Thị Kim H, sinh năm 1967 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

10. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1963 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

11. Nguyễn Thị T, sinh năm 1948 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp S, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- **Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:** Luật sư Nguyễn Thị Ngọc N – Văn phòng luật sư Ngọc N, thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Nguyễn Thị B và Lưu Văn T mở cửa hàng kinh doanh thức ăn gia súc và mua bán gạo tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang đã được nhiều năm, có nhiều khách hàng và quen biết nhiều người ở địa phương. Trong khoảng thời gian cuối năm 2013 đến đầu năm 2016 Nguyễn Thị B và Lưu Văn T mở rộng kinh doanh có vay, mượn tiền của nhiều người với lý do: làm vốn kinh doanh thức ăn gia súc và mua bán gạo, đáo hạn Ngân hàng, xây dựng nhà mới. Những người này thấy B và T có nhà khang trang, việc kinh doanh buôn bán rất đông khách nên tin tưởng cho B, T vay mượn tiền. Sau đó, B và T không thanh toán tiền cho bị hại, đến ngày 14-3-2016 bỏ trốn để chiếm đoạt tiền của các bị hại, cụ thể như sau:

1. Hồ Thanh T: Ngày 30-12-2013 (nhằm ngày 28-11-2013 âm lịch), Nguyễn Thị B và Lưu Văn T hỏi vay của Hồ Thanh T số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 06%/tháng. B và T đóng lãi được 26 tháng x 30.000.000 đồng/tháng = 780.000.000 đồng; Tính theo lãi suất ngân hàng, nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định. Tính từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ trốn là 805 ngày $(500.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 805 \text{ ngày} = 150.937.500 \text{ đồng}$.

Đến ngày 27-9-2015 (nhằm ngày 15-8-2015 âm lịch), B tiếp tục vay T số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng, B và T đóng lãi được 05 tháng x 60.000.000/tháng = 300.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016, bỏ trốn là 169 ngày $(1.200.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 169 \text{ ngày} = 76.050.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền B và T chiếm đoạt của Hồ Thanh T là (1.700.000.000 đồng + 150.937.500 đồng + 76.050.000 đồng) – (780.000.000 đồng + 300.000.000 đồng) = 846.987.500 đồng.

2. Phạm Thị Ú: Ngày 12-4-2015 (nhằm ngày 24-02-2015 âm lịch), Nguyễn Thị B đến gặp bà Ú vay tiền, Ú không có tiền nên hỏi vay của Mỹ D (Cháu bà Ú) giùm cho B số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng. B đóng lãi được 11 tháng x 10.000.000/tháng = 110.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 337 ngày (200.000.000 đồng x 0,0375% ngày) x 337 ngày = 25.275.000 đồng. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là (200.000.000 đồng + 25.275.000 đồng) - 110.000.000 đồng = 115.275.000 đồng.

Đến ngày 27-9-2015 (nhằm ngày 15-8-2015 âm lịch), B tiếp tục nhờ bà Phạm Thị Ú vay tiền của Mỹ D số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng, B đóng lãi được 05 tháng x 10.000.000/tháng = 50.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 169 ngày (200.000.000 đồng x 0,0375% ngày) x 169 ngày = 12.675.000 đồng. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là (200.000.000 đồng + 12.675.000 đồng) - 50.000.000 đồng = 162.675.000 đồng.

Đến ngày 23-11-2015 (nhằm ngày 12-10-2015 âm lịch), B và T tiếp tục nhờ bà Phạm Thị Ú vay của người thân số tiền là 500.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng, B đóng lãi được 03 tháng x 25.000.000/tháng = 75.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 112 ngày (500.000.000 đồng x 0,0375% ngày) x 112 ngày = 21.000.000 đồng. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là (500.000.000 đồng + 21.000.000 đồng) - 75.000.000 đồng = 446.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà Ú làm chủ hội, B và T tham gia chơi 06 phần hội, hội 10.000.000đ/1tháng đã hết hết 06 phần, còn nợ tiền hội chết là 660.000.000đồng. Tổng số tiền B, T còn chiếm đoạt của Phạm Thị Ú là (115.275.000 đồng + 162.675.000 đồng + 446.000.000đồng + 660.000.000 đồng) = 1.383.950.000đồng.

3. Lý Thị Cẩm L: Ngày 08-10-2015 (nhằm ngày 26-8-2015 âm lịch), Nguyễn Thị B và Lưu Văn T đến gặp L hỏi vay tiền, L nói không có tiền để mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp Ngân hàng cho B, T mượn lại. L mang giấy tờ đất thế chấp Ngân hàng Sacombank vay được 100.000.000 đồng, L cho B, T mượn lại 50.000.000

đồng, không tính lãi. B và T cam kết sẽ đóng lãi cho Ngân hàng với lãi suất 1,1%/tháng và sau 03 tháng sẽ trả gốc và tất toán số nợ trên. Từ khi nhận tiền đến nay B, T không đóng lãi và trả gốc theo thỏa thuận. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 158 ngày $(50.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 158 \text{ ngày} = 2.962.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt của L là $(50.000.000 \text{ đồng} + 2.962.000 \text{ đồng}) = 52.926.000 \text{ đồng}$.

4. Phan Ngọc D: Ngày 15-01-2016 (nhằm ngày 06-12-2015 âm lịch), B nhờ bà Phạm Thị Ú vay tiền trả góp của D 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 tháng, mỗi tháng góp 100.000.000 đồng. Từ khi vay đến khi bỏ tròn B không góp cho D lần nào. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 424 ngày $(700.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 424 \text{ ngày} = 111.300.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt của D là $(700.000.000 \text{ đồng} + 111.300.000 \text{ đồng}) = 811.300.000 \text{ đồng}$.

5. Nguyễn Thị Hoa T: Nguyễn Thị B và Lưu Văn T thường xuyên hỏi vay tiền của bà T nhiều lần đều trả lãi, gốc đầy đủ theo thỏa thuận. Đến ngày 19-02-2016 (nhằm ngày 12-01-2016 âm lịch), Nguyễn Thị B và Lưu Văn T đến gặp T vay số tiền 150.000.000 đồng, vay trả góp mỗi tháng 9.000.000 đồng, lần vay này vợ, chồng B chưa đóng lãi. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 24 ngày $(150.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 24 \text{ ngày} = 1.350.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(150.000.000 \text{ đồng} + 1.350.000 \text{ đồng}) = 151.350.000 \text{ đồng}$.

Đến ngày 03-3-2016 (nhằm ngày 25-01-2016 âm lịch) B và T tiếp tục hỏi vay của T số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày góp 2.000.000 đồng, thời hạn góp là 02 tháng. B đã góp được 08 ngày, số tiền 16.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 11 ngày $(100.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 11 \text{ ngày} = 412.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(100.000.000 \text{ đồng} + 412.000 \text{ đồng}) - 16.000.000 \text{ đồng} = 84.412.500 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền vợ, chồng B chiếm đoạt của T là $151.350.000 \text{ đồng} + 84.412.500 \text{ đồng} = 235.762.500 \text{ đồng}$.

6. Võ Văn H: Nguyễn Thị B và Lưu Văn T thường xuyên hỏi vay tiền của H đều trả lãi, gốc đầy đủ theo thỏa thuận. Đến năm 2016, B và T tiếp tục gặp H hỏi vay tiền đáo

hạn Ngân hàng, H cho vay 600.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày. B và T trả gốc được 400.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng, đóng lãi 03 ngày $\times$ 3.000.000/ngày = 9.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 43 ngày $(200.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 43 \text{ ngày} = 3.225.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(200.000.000 \text{ đồng} + 3.225.000 \text{ đồng}) - 9.000.000 \text{ đồng} = 194.225.000 \text{ đồng}$.

Đến ngày 06-3-2016, Nguyễn Thị B và Lưu Văn T hỏi vay H số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất là 0,5%/ngày, lần này vay chưa đóng lãi và trả gốc. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 08 ngày $(250.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 08 \text{ ngày} = 750.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(250.000.000 \text{ đồng} + 750.000 \text{ đồng}) = 250.750.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền vợ, chồng B chiếm đoạt của H là $194.225.000 \text{ đồng} + 250.750.000 \text{ đồng} = 444.975.000 \text{ đồng}$.

7. Mã Phan Trần L: Nguyễn Thị B và Lưu Văn T thường xuyên đến hỏi vay tiền của Mã Phan Trần L đều trả lãi, gốc đầy đủ theo thỏa thuận. Đến ngày 02-3-2016, Nguyễn Thị B tiếp tục đến gặp L hỏi vay 680.000.000 đồng, lãi suất là 0,5%/ngày, chưa đóng lãi. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 12 ngày $(680.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 12 \text{ ngày} = 3.060.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(680.000.000 \text{ đồng} + 3.060.000 \text{ đồng}) = 683.060.000 \text{ đồng}$.

8. Mã Giang H: Nguyễn Thị B và Lưu Văn T thường xuyên hỏi vay tiền của H, các lần vay trước đều trả lãi, gốc đầy đủ thỏa thuận. Đến ngày 26-02-2015, B và T hỏi vay H số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 03%/ngày, B đóng lãi được 16 ngày $\times$ 1.500.000/ngày = 24.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 17 ngày $(500.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 17 \text{ ngày} = 3.187.500 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(500.000.000 \text{ đồng} + 3.187.500 \text{ đồng}) - 24.000.000 \text{ đồng} = 479.187.500 \text{ đồng}$.

Đến ngày 02-3-2016, Nguyễn Thị B tiếp tục hỏi vay tiền của H thêm 100.000.000 đồng, lãi suất 0,3% /ngày, B đóng lãi được 11 ngày $\times$ 300.000/ngày = 3.300.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 12 ngày

$(100.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 12 \text{ ngày} = 450.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(100.000.000 \text{ đồng} + 450.000 \text{ đồng}) - 3.300.000 \text{ đồng} = 97.150.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền B, T còn chiếm đoạt của H là $(479.187.500 \text{ đồng} + 97.150.000 \text{ đồng}) = 576.337.500 \text{ đồng}$.

9. Lê Thị Kim H: Ngày 02-11-2015 (nhằm ngày 21-10-2015 âm lịch), Nguyễn Thị B và Lưu Văn T hỏi vay của Kim H số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, B đóng lãi được 60 ngày $\times 600.000 \text{ đồng/ngày} = 36.000.000 \text{ đồng}$. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 133 ngày $(200.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 133 \text{ ngày} = 9.975.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(200.000.000 \text{ đồng} + 9.975.000 \text{ đồng}) - 36.000.000 \text{ đồng} = 173.975.000 \text{ đồng}$.

Đến ngày 25-12-2015 (nhằm ngày 15-11-2015 âm lịch), Nguyễn Thị B và Lưu Văn T đến gặp Kim H hỏi vay thêm 100.000.000 đồng, lãi suất 03%/ngày, B đóng lãi được 36 ngày $\times 300.000 \text{ đồng/ngày} = 10.800.000 \text{ đồng}$. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 80 ngày $(100.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 80 \text{ ngày} = 3.000.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(100.000.000 \text{ đồng} + 3.000.000 \text{ đồng}) - 10.800.000 \text{ đồng} = 92.200.000 \text{ đồng}$.

Đến ngày 19-01-2016 (nhằm ngày 10-12-2015 âm lịch), Nguyễn Thị B tiếp tục vay thêm 25.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, lần vay này chưa đóng lãi. Đến ngày 11-01-2016 có nhận số tiền 30.000.000 đồng của T đưa (T là con trai B). Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 55 ngày $(25.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 55 \text{ ngày} = 515.625 \text{ đồng}$. Như vậy, tổng số tiền vợ, chồng B chiếm đoạt của Kim H là $(173.975.000 \text{ đồng} + 92.200.000 \text{ đồng} + 25.515.625 \text{ đồng}) - 30.000.000 \text{ đồng} = 261.690.625 \text{ đồng}$.

10. Nguyễn Thị Thu H: Nguyễn Thị B thường xuyên hỏi vay mượn tiền của Thu H, các lần vay trước đều trả gốc, lãi đầy đủ. Đến ngày 23-10-2015 (nhằm ngày 11/9/2015 âm lịch), Nguyễn Thị B hỏi vay H số tiền là 550.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng, B đóng lãi được 04 tháng $\times 27.000.000 \text{ đồng/tháng} = 108.000.000 \text{ đồng}$. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 143 ngày $(550.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 143 \text{ ngày} = 29.493.750 \text{ đồng}$. Như vậy, tổng số tiền vợ, chồng B

chiếm đoạt của Thu H là $(550.000.000\text{đồng} + 29.493.750\text{ đồng}) - 108.000.000\text{ đồng} = 471.493.750\text{ đồng}$.

11. Nguyễn Thị T: Nguyễn Thị B và Lưu Văn T thường xuyên hỏi vay tiền của bà T, các lần vay trước đều trả gốc, lãi đầy đủ. Đến ngày 08-12-2015 (nhằm ngày 27-11-2015 âm lịch), vợ chồng B tiếp tục hỏi vay T số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày. B đã trả cho bà T được 170.000.000 đồng, hiện còn nợ T 130.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ trốn là 97 ngày $(130.000.000\text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 97\text{ ngày} = 4.728.750\text{ đồng}$. Như vậy, tổng số tiền vợ, chồng B chiếm đoạt của T là $130.000.000\text{ đồng} + 4.728.750\text{ đồng} = 134.728.750\text{ đồng}$.

Như vậy, Nguyễn Thị B và Lưu Văn T chiếm đoạt của 11 bị hại tổng số tiền là 5.903.248.125 đồng. Sau đó, B và T bỏ trốn khỏi địa phương vào ngày 14-3-2016 (nhằm ngày 06-02-2016 âm lịch). Đến ngày 25-9-2017, Nguyễn Thị B bị bắt theo Quyết định truy nã số 02/QĐTN-PC44, ngày 27-6-2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang và ra Lệnh tạm giam cho đến nay.

* Tại bản kết luận giám định số: 733/KL-KTHS, ngày 12-01- 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận:

- Chữ ký mang tên Lưu Văn T trên các biên nhận nợ (đối tượng cần giám định) ký hiệu từ A1, A3, A4, A5, A7 với chữ ký Lưu Văn T trên các khế ước nhận nợ (đối tượng mẫu so sánh) ký hiệu M1 đến M5 là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết mang tên Lưu Văn T trên các biên nhận nợ (đối tượng cần giám định) ký hiệu từ A1, A3, A4, A5, với chữ viết Lưu Văn T trên các khế ước nhận nợ (đối tượng mẫu so sánh) ký hiệu M1, M2, M3, M5 là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Thị B trên các biên nhận nợ (đối tượng cần giám định) ký hiệu từ A1 đến A10 với chữ ký Nguyễn Thị B trên các khế ước nhận nợ (đối tượng mẫu so sánh) ký hiệu M1 đến M5 là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết mang tên Nguyễn Thị B trên các biên nhận nợ (đối tượng cần giám định) ký hiệu từ A1 đến A10, với chữ viết Nguyễn Thị B trên các khế ước nhận nợ (đối tượng mẫu so sánh) ký hiệu M1 đến M5 là do cùng một người viết ra.

***Cáo trạng của Viện kiểm sát:**

Bản cáo trạng số: 19/CT-VKSTKG – P2 ngày 19-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B mức án 14- 16 năm tù.

Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên về phần trách nhiệm dân sự, án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Các bị hại xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt giống như cáo trạng quy kết và yêu cầu bị cáo trả số tiền đã chiếm đoạt. Riêng bị hại Lý Thị Cẩm L yêu cầu bị cáo trả tiền theo lãi suất 1,1%/ tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, vì tiền này bà Lệ vay từ ngân hàng để cho bị cáo mượn lại.

Quan điểm luật sư Nguyễn Thị Ngọc N bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, số tiền như cáo trạng đã quy kết, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, xem xét hoàn cảnh thực tế xử nhẹ cho bị cáo để sớm về quản lý, kinh doanh và có điều kiện trả nợ cho các bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành phạm tội như cáo trạng đã nêu và đồng ý bồi thường theo yêu cầu các bị hại. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xử nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành

tổ tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Nguyễn Thị B và Lưu Văn T mở cửa hàng kinh doanh tại huyện G, tỉnh Kiên Giang nhiều năm quen biết nhiều người, có nhiều khách hàng. Trong khoảng thời gian cuối năm 2013 đến đầu năm 2016, Nguyễn Thị B và Lưu Văn T cần mở rộng kinh doanh nên đã vay, mượn tiền của nhiều người mục đích để làm vốn kinh doanh thức ăn gia súc, mua bán gạo, đảo hạn ngân hàng, xây dựng nhà mới. Do thấy B và T có nhà khang trang, việc kinh doanh buôn bán rất đông khách nên tin tưởng cho B, T vay mượn tiền. Sau khi vay xong, đến hạn trả nợ vay, B và T không thanh toán tiền cho bị hại, đến ngày 14-3-2016 bỏ trốn để chiếm đoạt tiền của 11 bị hại, một số trường hợp bị cáo trả lãi suất cao cho các bị hại nên không được chấp nhận mà chỉ chấp nhận lãi suất không quá 150% lãi suất cơ bản 9%/năm của ngân hàng tính từ ngày vay đến ngày bị cáo bỏ trốn, được tính cụ thể như sau:

1. Hồ Thanh Th: Ngày 30-12-2013 (nhằm ngày 28-11-2013 âm lịch), Nguyễn Thị B và Lưu Văn T hỏi vay của Hồ Thanh T số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 06%/tháng. B và T đóng lãi được 26 tháng $\times$ 30.000.000 đồng/tháng = 780.000.000 đồng; Tính theo lãi suất ngân hàng, nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định. Tính từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ trốn là 805 ngày $(500.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 805 \text{ ngày} = 150.937.500 \text{ đồng}$.

Đến ngày 27-9-2015 (nhằm ngày 15-8-2015 âm lịch) B tiếp tục vay T số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng, B và T đóng lãi được 05 tháng $\times$ 60.000.000/tháng = 300.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016, bỏ trốn là 169 ngày $(1.200.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 169 \text{ ngày} = 76.050.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền B và T chiếm đoạt của Hồ Thanh Thủy là $(1.700.000.000 \text{ đồng} + 150.937.500 \text{ đồng} + 76.050.000 \text{ đồng}) - (780.000.000 \text{ đồng} + 300.000.000 \text{ đồng}) = 846.987.500 \text{ đồng}$.

2. Phạm Thị Ú: Ngày 12-4-2015 (nhằm ngày 24-02-2015 âm lịch), Nguyễn Thị B đến gặp bà Ú vay tiền, Ú không có tiền nên hỏi vay của Mỹ D (Cháu bà Ú) giùm cho B

số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng. B đóng lãi được 11 tháng x 10.000.000/tháng = 110.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 337 ngày (200.000.000 đồng x 0,0375% ngày) x 337 ngày = 25.275.000 đồng. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là (200.000.000 đồng + 25.275.000 đồng) - 110.000.000 đồng = 115.275.000 đồng.

Đến ngày 27-9-2015 (nhằm ngày 15-8-2015 âm lịch), B tiếp tục nhờ bà Phạm Thị Ú vay tiền của Mỹ D số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng, B đóng lãi được 05 tháng x 10.000.000/tháng = 50.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 169 ngày (200.000.000 đồng x 0,0375% ngày) x 169 ngày = 12.675.000 đồng. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là (200.000.000 đồng + 12.675.000 đồng) - 50.000.000 đồng = 162.675.000 đồng.

Đến ngày 23-11-2015 (nhằm ngày 12-10-2015 âm lịch), B và T tiếp tục nhờ bà Phạm Thị Ú vay của người thân số tiền là 500.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng, B đóng lãi được 03 tháng x 25.000.000/tháng = 75.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 112 ngày (500.000.000 đồng x 0,0375% ngày) x 112 ngày = 21.000.000 đồng. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là (500.000.000 đồng + 21.000.000 đồng) - 75.000.000 đồng = 446.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà Ú làm chủ hội, B và T tham gia chơi 06 phần hội, hội 10.000.000 đồng/1 tháng đã hốt hết 06 phần, còn nợ tiền hội chết là 660.000.000 đồng. Tổng số tiền B, T còn chiếm đoạt của Phạm Thị Ú là (115.275.000 đồng + 162.675.000 đồng + 446.000.000 đồng + 660.000.000 đồng) = 1.383.950.000 đồng.

3. Lý Thị Cẩm L: Ngày 08-10-2015 (nhằm ngày 26-8-2015 âm lịch), Nguyễn Thị B và Lưu Văn T đến gặp L hỏi vay tiền, L nói không có tiền để mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp Ngân hàng cho B, T mượn lại. L mang giấy tờ đất thế chấp Ngân hàng Sacombank vay được 100.000.000 đồng, L cho B, T mượn lại 50.000.000 đồng, không tính lãi. B và T cam kết sẽ đóng lãi cho Ngân hàng với lãi suất 1,1%/tháng và sau 03 tháng sẽ trả gốc và tất toán số nợ trên. Từ khi nhận tiền đến nay B, T không đóng lãi và trả gốc theo thỏa thuận. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 158 ngày (50.000.000 đồng x 0,0375% ngày) x 158 ngày = 2.962.000 đồng. Như vậy số tiền B còn chiếm đoạt của L là (50.000.000 đồng + 2.962.000 đồng) = 52.962.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự bị cáo trả tiền 50.000.000

đồng x 1.1%/ tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 02 năm 07 tháng 15 ngày, tương đương với số tiền lãi 17.275.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 67.275.000 đồng.

4. Phan Ngọc D: Ngày 15-01-2016 (nhằm ngày 06-12-2015 âm lịch), B nhờ bà Phạm Thị Ú vay tiền trả góp của D 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 tháng, mỗi tháng góp 100.000.000 đồng. Từ khi vay đến khi bỏ trốn B không góp cho D lần nào. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ trốn là 424 ngày $(700.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 424 \text{ ngày} = 111.300.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt của D là $(700.000.000 \text{ đồng} + 111.300.000 \text{ đồng}) = 811.300.000 \text{ đồng}$.

5. Nguyễn Thị Hoa T: Nguyễn Thị B và Lưu Văn T thường xuyên hỏi vay tiền của bà T nhiều lần đều trả lãi, gốc đầy đủ theo thỏa thuận. Đến ngày 19-02-2016 (nhằm ngày 12-01-2016 âm lịch), Nguyễn Thị B và Lưu Văn T đến gặp T vay số tiền 150.000.000 đồng, vay trả góp mỗi tháng 9.000.000 đồng, lần vay này vợ, chồng B chưa đóng lãi. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ trốn là 24 ngày $(150.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 24 \text{ ngày} = 1.350.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(150.000.000 \text{ đồng} + 1.350.000 \text{ đồng}) = 151.350.000 \text{ đồng}$.

Đến ngày 03-3-2016 (nhằm ngày 25-01-2016 âm lịch) B và T tiếp tục hỏi vay của T số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày góp 2.000.000 đồng, thời hạn góp là 02 tháng. B đã góp được 8 ngày, số tiền 16.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ trốn là 11 ngày $(100.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 11 \text{ ngày} = 412.000 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền B chiếm đoạt là $(100.000.000 \text{ đồng} + 412.000 \text{ đồng}) - 16.000.000 \text{ đồng} = 84.412.500 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền vợ, chồng B chiếm đoạt của T là $151.350.000 \text{ đồng} + 84.412.500 \text{ đồng} = 235.762.500 \text{ đồng}$.

6. Võ Văn H: Nguyễn Thị B và Lưu Văn T thường xuyên hỏi vay tiền của H đều trả lãi, gốc đầy đủ theo thỏa thuận. Đến năm 2016, B và T tiếp tục gặp H hỏi vay tiền đáo hạn Ngân hàng, H cho vay 600.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày. B và T trả gốc được 400.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng, đóng lãi 03 ngày $\times 3.000.000/\text{ngày} = 9.000.000 \text{ đồng}$. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ

trón là 43 ngày $(200.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 43 \text{ ngày} = 3.225.000 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền B còn chiếm đoạt là $(200.000.000 \text{ đồng} + 3.225.000 \text{ đồng}) - 9.000.000 \text{ đồng} = 194.225.000 \text{ đồng}$.

Đến ngày 06-3-2016, Nguyễn Thị B và Lưu Văn T hỏi vay H số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất là 0,5%/ngày, lần này vay chưa đóng lãi và trả gốc. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ trón là 08 ngày $(250.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 08 \text{ ngày} = 750.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(250.000.000 \text{ đồng} + 750.000 \text{ đồng}) = 250.750.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền vợ, chồng B chiếm đoạt của H là $194.225.000 \text{ đồng} + 250.750.000 \text{ đồng} = 444.975.000 \text{ đồng}$.

7. Mã Phan Trần L: Nguyễn Thị B và Lưu Văn T thường xuyên đến hỏi vay tiền của Mã Phan Trần L đều trả lãi, gốc đầy đủ theo thỏa thuận. Đến ngày 02-3-2016, Nguyễn Thị B tiếp tục đến gặp L hỏi vay 680.000.000 đồng, lãi suất là 0,5%/ngày, chưa đóng lãi. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ trón là 12 ngày $(680.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 12 \text{ ngày} = 3.060.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(680.000.000 \text{ đồng} + 3.060.000 \text{ đồng}) = 683.060.000 \text{ đồng}$.

8. Mã Giang H: Nguyễn Thị B và Lưu Văn T thường xuyên hỏi vay tiền của H, các lần vay trước đều trả lãi, gốc đầy đủ thỏa thuận. Đến ngày 26-02-2015, B và T hỏi vay H số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 03%/ngày, B đóng lãi được 16 ngày $\times 1.500.000/\text{ngày} = 24.000.000 \text{ đồng}$. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ trón là 17 ngày $(500.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 17 \text{ ngày} = 3.187.500 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(500.000.000 \text{ đồng} + 3.187.500 \text{ đồng}) - 24.000.000 \text{ đồng} = 479.187.500 \text{ đồng}$.

Đến ngày 02-3-2016, Nguyễn Thị B tiếp tục hỏi vay tiền của H thêm 100.000.000 đồng, lãi suất 0,3% /ngày, B đóng lãi được 11 ngày $\times 300.000/\text{ngày} = 3.300.000 \text{ đồng}$. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ trón là 12 ngày $(100.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 12 \text{ ngày} = 450.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(100.000.000 \text{ đồng} + 450.000 \text{ đồng}) - 3.300.000 \text{ đồng} = 97.150.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền B, T còn chiếm đoạt của H là $(479.187.500\text{đồng} + 97.150.000\text{đồng}) = 576.337.500\text{đồng}$.

9. Lê Thị Kim H: Ngày 02-11-2015 (nhằm ngày 21-10-2015 âm lịch), Nguyễn Thị B và Lưu Văn T hỏi vay của Kim H số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, B đóng lãi được 60 ngày $\times 600.000\text{đồng/ngày} = 36.000.000\text{đồng}$. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 133 ngày $(200.000.000\text{đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 133\text{ ngày} = 9.975.000\text{đồng}$. Như vậy số tiền B còn chiếm đoạt là $(200.000.000\text{đồng} + 9.975.000\text{đồng}) - 36.000.000\text{đồng} = 173.975.000\text{đồng}$.

Đến ngày 25-12-2015 (nhằm ngày 15-11-2015 âm lịch), Nguyễn Thị B và Lưu Văn T đến gặp Kim H hỏi vay thêm 100.000.000 đồng, lãi suất 03%/ngày, B đóng lãi được 36 ngày $\times 300.000\text{đồng/ngày} = 10.800.000\text{đồng}$. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 80 ngày $(100.000.000\text{đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 80\text{ ngày} = 3.000.000\text{đồng}$. Như vậy, số tiền B còn chiếm đoạt là $(100.000.000\text{đồng} + 3.000.000\text{đồng}) - 10.800.000\text{đồng} = 92.200.000\text{đồng}$.

Đến ngày 19-01-2016 (nhằm ngày 10-12-2015 âm lịch), Nguyễn Thị B tiếp tục vay thêm 25.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, lần vay này chưa đóng lãi. Đến ngày 11-01-2016 có nhận số tiền 30.000.000 đồng của T đưa (T là con trai B). Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 55 ngày $(25.000.000\text{đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 55\text{ ngày} = 515.625\text{đồng}$. Như vậy, tổng số tiền vợ, chồng B chiếm đoạt của Kim H là $(173.975.000\text{đồng} + 92.200.000\text{đồng} + 25.515.625\text{đồng}) - 30.000.000\text{đồng} = 261.690.625\text{đồng}$.

10. Nguyễn Thị Thu H: Nguyễn Thị B thường xuyên hỏi vay mượn tiền của Thu H, các lần vay trước đều trả gốc, lãi đầy đủ. Đến ngày 23-10-2015 (nhằm ngày 11-9-2015 âm lịch), Nguyễn Thị B hỏi vay H số tiền là 550.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng, B đóng lãi được 04 tháng $\times 27.500.000\text{đồng/tháng} = 110.000.000\text{đồng}$. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ tròn là 143 ngày $(550.000.000\text{đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 143\text{ ngày} = 29.493.750\text{đồng}$. Như vậy, tổng số tiền vợ, chồng B chiếm đoạt của Thu H là $(550.000.000\text{đồng} + 29.493.750\text{đồng}) - 110.000.000\text{đồng} = 469.493.750\text{đồng}$.

11. Nguyễn Thị T: Nguyễn Thị B và Lưu Văn T thường xuyên hỏi vay tiền của bà T, các lần vay trước đều trả gốc, lãi đầy đủ. Đến ngày 08-12-2015 (nhằm ngày 27-11-2015 âm lịch), vợ chồng B tiếp tục hỏi vay T số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày. B đã trả cho bà T được 170.000.000 đồng, hiện còn nợ T 130.000.000 đồng. Tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày B vay tiền đến ngày 14-3-2016 bỏ trốn là 97 ngày $(130.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \text{ ngày}) \times 97 \text{ ngày} = 4.728.750 \text{ đồng}$. Tổng số tiền vợ, chồng B chiếm đoạt của T là $130.000.000 \text{ đồng} + 4.728.750 \text{ đồng} = 134.728.750 \text{ đồng}$.

Như vậy, Nguyễn Thị B và Lưu Văn T chiếm đoạt của 11 bị hại tổng số tiền là 5.915.560.625 đồng. Sau đó B và T bỏ trốn khỏi địa phương vào ngày 14-3-2016 (nhằm ngày 06-02-2016 âm lịch). Đến ngày 25-9-2017, Nguyễn Thị B bị bắt theo Quyết định truy nã số 02/QĐTN-PC44, ngày 27-6-2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang và ra Lệnh tạm giam cho đến nay. Riêng Lưu Văn T hiện chưa bắt được, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm, bắt và xử lý sau.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra vụ án. Để thực hiện hành vi chiếm đoạt, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của những bị hại để vay tiền, sau khi vay được tiền, bị cáo bỏ trốn để chiếm đoạt tổng số tiền bao gồm gốc và lãi (tính đến ngày bỏ trốn ngày 14-3-2016) là 5.915.560.625 đồng. Bản thân bị cáo từng bị xử phạt về tội “Tổ chức đánh bạc”, nay lại tiếp tục tái phạm, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đặc biệt nghiêm trọng và bỏ trốn không những gây thiệt hại cho các bị hại mà còn gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có gia đình là người có công với cách mạng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo khi lượng hình.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo bị xét xử về tội “Tổ chức đánh bạc”, chưa được xóa án tích nay tiếp tục tái phạm, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g (phạm tội 02 lần trở lên) khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không chấp nhận quan điểm đại diện Viện kiểm sát, vì số tiền bị cáo đã vay của 11 bị hại đều là hợp pháp, sau khi vay xong không có khả năng trả nợ, bị cáo thực hiện hành vi bỏ trốn mới cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, nên không áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo.

[4] Về các vấn đề khác:

*Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, những người bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử xử buộc bị cáo trả lại số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm bỏ trốn. Riêng bị hại Lý Thị Cẩm L yêu cầu bị cáo trả tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi suất 1,1%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 02 năm 07 tháng 15 ngày, tương đương với số tiền lãi 17.275.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi 67.275.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của những bị hại. Xét thấy, yêu cầu của những người bị hại là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật và bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo trả lại cho 11 người bị hại số tiền đã chiếm đoạt tổng số 5.915.560.625 đồng, cụ thể trả:

1. Hồ Thanh T số tiền 846.987.500 đồng;
2. Phạm Thị Ú số tiền 1.383.950.000 đồng;
3. Lý Thị Cẩm L số tiền 67.275.000 đồng;
4. Phan Ngọc D số tiền 811.300.000 đồng;
5. Nguyễn Thị Hoa T số tiền 235.762.500 đồng;
6. Võ Văn H số tiền 444.975.000 đồng;
7. Mã Phan Trần L số tiền 683.060.000 đồng;
8. Mã Giang H số tiền 576.337.500 đồng;
9. Lê Thị Kim H số tiền 261.690.625 đồng;

10. Nguyễn Thị Thu H số tiền 469.493.750 đồng;

11. Nguyễn Thị T số tiền 134.728.750 đồng.

*Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền 5.915.560.625 đồng, cụ thể: 112.000.000 đồng + $(1.915.560.625 \text{ đồng} \times 0,1\%) = 113.915.560 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị B 14 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25-9-2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thị B trả lại số tiền chiếm đoạt tổng cộng 5.915.560.625 đồng, cụ thể trả:

1. Hồ Thanh T số tiền 846.987.500 đồng;

2. Phạm Thị Ú số tiền 1.383.950.000 đồng;

3. Lý Thị Cẩm L số tiền 67.275.000 đồng;

4. Phan Ngọc D số tiền 811.300.000 đồng;

5. Nguyễn Thị Hoa T số tiền 235.762.500 đồng;

6. Võ Văn H số tiền 444.975.000 đồng;

7. Mã Phan Trần L số tiền 683.060.000 đồng;

8. Mã Giang H số tiền 576.337.500 đồng;

9. Lê Thị Kim H số tiền 261.690.625 đồng;

10. Nguyễn Thị Thu H số tiền 469.493.750 đồng;

11. Nguyễn Thị T số tiền 134.728.750 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất bằng mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng.

Án phí dân sự có giá ngạch: Buộc bị cáo nộp 113.915.560 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại tp. HCM;
- TAND Cấp cao tại tp.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Sở Tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG;
- Phòng HS & NV CA tỉnh KG
- THA tỉnh KG;
- CQCSĐT tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

Lê Trọng Hân